**BÀI 27: THỰC HÀNH**

**KINH TẾ BIỂN CỦA BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức :**

 - Củng cố sự hiểu biết về cơ cấu kinh tế biển ở cả hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ bao gồm các hoạt động hải cảng, nuôi trồng và đánh bắt thuỷ hải sản, nghề muối và chế biến thuỷ sản xuất khẩu, du lịch và dịch vụ biển.

**2. Kĩ năng:**

 - Tiếp tục hoàn thiện phương pháp đọc bản đồ phân tích số liệu thống kê, liên kết không gian kinh tế hai vùng.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, tình yêu biển đảo và ý thức bảo vệ môi trường biển đảo phát triển kinh tế bền vững.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên**

*-* Bản đồ tự nhiên và kinh tế Việt Nam.

**2. Đối với học sinh**

- Máy tính, thước, bút, vở thực hành, atlat địa lý Việt Nam.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định và kiểm tra:** Kết hợp với bài mới.

**2. Tiến trình dạy và học**

 **THỰC HÀNH**

**KINH TẾ BIỂN CỦA BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu về vị trí các cảng biển, các bãi cá, bãi tôm, các cơ sở làm muối và tiềm năng phát triển kinh tế của 2 vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ**

*1. Mục tiêu:*

- Kiến thức: Củng cố sự hiểu biết về tiềm năng phát triển kinh tế biển của bắc Trugn Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

- Kĩ năng: Rèn kĩ năng xác định vị trí cảng biển, bãi tôm, cá, cơ sỏ sản xuất muối trên bản đồ và kĩ năng đánh giá tiềm năng phát triển kinh tế.

*2. Phương pháp/ kĩ thuật dạy học*

- Pháp vấn, thuyết trình, đàm thoại

- Thảo luận nhóm/ Kĩ thuật động não viết

*3. Các bước hoạt động*

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên và học sinh | *Nội dung chính* |
| **Bước 1**: - GV treo bản đồ tự nhiên, kinh tế VN, yêu cầu HS lên xác định trên bản đồ các cảng biển, Các bãi cá, bãi tôm, các cơ sở sản xuất muối. Những bãi biển có giá trị du lịch nổi tiếng ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ**Bước 2** - Yêu cầu HS hoạt động nhóm, dựa vào bản đồ kinh tế, tự nhiên của vùng, dựa vào Át lát và kiên thức của mình; Áp dụng kĩ thuật động não viết: Các thành viên thay nhau ghi ra giấy/ bảng phụ ý kiến của mình. Sau khi thu thập xong ý kiến thì đánh giá trong nhóm hoàn thành bảng tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển của hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động kinh tê | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam Trung Bộ |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Bước 3**: Gọi 2 đại diện trình bày vào bảng phụ**Bước 4**: Yêu cầu HS rút ra nhận xét so sánh về tiềm năng phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ với Bắc Trung Bộ. Giải thích?**Bước 5**: HS trả lời. GV chuẩn kiến thức. | **Bài tập 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động kinh tế** | **Bắc Trung Bộ** | **Duyên hải Nam Trung Bộ** |
| Cảng biển | Cửa Lò (Vinh), Nhật Lệ (Đồng Hới), Thuận An (Huế)… | Đà Nẵng, Dung Quất (Q, Ngãi), Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh (Khánh Hoà)… |
| Nuôi trồng đánh bắt | Bãi cá gần bờ Thanh Hoá - Vinh; Chân Mây; ngoài khơi Hà Tĩnh, Quảng Bình | Bãi cá ngoài khơi Đà Nẵng Quảng Ngãi – Bình Định; Phan Rang - Phan Thiết |
| Chế biến thuỷ sản | Chế biến: Thanh Hoá, Vinh, Đông Hà, Huế | - Chế biến: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Nha Trang…- Làm muối: Sa Huỳnh, Cà Ná |
| Du lịch dịch vụ biển | Sầm Sơn (Thanh Hoá), Cửa Lò (Vinh), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Nhật Lệ (Quảng Bình), Lăng Cô (Huế) | Non Nước (Đà Nẵng), Sa Huỳnh (Bình Định), Quy Nhơn, Đại Lãnh (Phú Yên), Nha Trang, Mũi Né (Phan Thiết) |

 |

**HOẠT ĐỘNG 2 – Tìm hiểu Sự chênh lệch về số lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ và giải thích.**

*1. Mục tiêu:*

- Kiến thức: Thấy được sự chênh lệch về sản lượng thủy sản nuôi trồng, khia thác giữa hai vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ.

- Kĩ năng: Rèn kĩ năng phân tích bảng số liệu và kĩ năng so sánh

*2. Phương pháp/ Kỹ thuật dạy học*

- Pháp vấn, đàm thoại, thuyết trình

*3. Các bước hoạt động*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1:** GV hướng dẫn xử lý số liệu**Bước 2**: HS tính toán, nhận xét, so sánh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Bắc** **Trung Bộ** | **Duyên hải Nam Trung Bộ** |
|  | Nghìn tấn | % | Nghìn tấn | % |
| Nuôi trồng | 38.8 |  | 27.6 |  |
|  |  |  |  |
| Khai thác | 153.7 |  | 493.5 |  |
|  |  |  |  |

**Bước 3**: GV chốt lại kiến thức.**Bước 4**: Yêu cầu học sinh giải thích vì sao có sự chênh lệch về sản lượng thủy sản giữa 2 vùng?**Bước 5**: GV chuẩn kiến thức. | **Bài tập 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Bắc** **Trung Bộ** | **Duyên hải Nam Trung Bộ** |
|  | Nghìn tấn | % | Nghìn tấn | % |
| Nuôi trồng | 38.8 | 58.4 | 27.6 | 41.6 |
|  | Nhiều hơn 1.4 lần |  |  |
| Khai thác | 153.7 | 23.8 | 493.5 | 76.2 |
|  |  |  | Nhiều hơn 3.2 lần |

 |

**HOẠT ĐỘNG TIẾP NỐI**

* 1. **Củng cố:**

Câu 1: Điền vào chỗ trống các địa danh phù hợp để hoàn chỉnh sơ đồ sau:

Các cảng biển:…………………….

Các cơ sở kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ

Các đảo và quần đảo là cơ sở khai thác hải sản:…….

……………………………………………….

Các ngư trường:……………………………………….

Các cơ sở sản xuât muối:…………………………..

Các bãi biển nổi tiếng:…………………………….

**2.Kiểm tra đánh giá:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiềm năng phát triển kinh tế biển | Nhận xét  |
| Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam Trung Bộ |
|  |  |  |

**3. Chuẩn bị bài học tiếp theo:**

- Sưu tầm, tìm hiểu về Tây Nguyên.